

6 ĐỀ ÔN HÈ TOÁN LỚP 3 LÊN LỚP 4
ĐỀ SỐ 1

Bài 1: (2 điểm) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

a) Số liền sau của số 65243 là:

- A. 65 234 B. 65 244 C. 65 324 D. 65 245

b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm để có dãy số đúng quy luật (nếu được) và khoanh tròn vào chữ trước dãy số đúng quy luật mà em vừa điền.

- A. ... ; 89 ; 90 ; ... ; ; B. 89 ; ; 90 ; 91 ; ; 92
C. ... ; 89 ; 91 ; ; 92 ; 93 D. ... ; 89 ; 91 ; ; 92 ;

c) Số lớn nhất và bé nhất trong các số : 2 467 ; 28 092 ; 28 902 ; 2476 là :

- A. 28 902 và 2476 B. 28 092 và 2467
C. 28 902 và 2467 D. 28 902 và 28 092

d) $\frac{1}{4}$ ngày = giờ

- A. 15 giờ B. 28 giờ C. 64 giờ D. 6 giờ

Bài 2: (2 điểm)

64 371 - 5138 26 704 + 8969 4126 × 6 25968 : 3

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: (1 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) 15m 20mm =mm b) $\frac{1}{4}$ km = m
a) 14 kg = g d) 3 giờ 15 phút = phút

Bài 4: (3 điểm)

a) Tính giá trị biểu thức

$37 + 18 \times 8 = \dots\dots\dots (527 - 159) \times 4 = \dots\dots\dots$
= =

$540 : 3 \times 6 = \dots\dots\dots 488 + 876 : 6 = \dots\dots\dots$
= =

b) Tìm x :

$$x + 217 = 1892$$

.....

.....

$$x - 613 = 316$$

.....

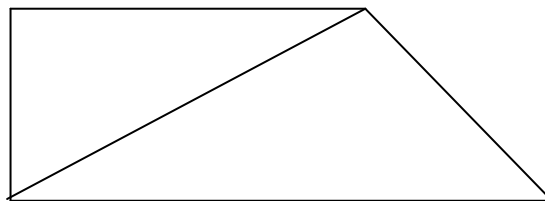
.....

Bài 5: (1 điểm) Một cửa hàng ngày đầu bán được 120 m vải, ngày thứ hai bán được bằng $\frac{1}{3}$ số mét vải trong ngày đầu. Hỏi cửa hàng đã bán được bao nhiêu mét vải trong 2 ngày ?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: (1 điểm)



Trong hình trên có.....góc vuông;

Có.....góc không vuông.

ĐỀ SỐ 2

Bài 1: (2 điểm) a) Điền vào chỗ chấm:

Đọc số	Viết số
.....	80 068
Ba mươi bốn nghìn không trăm mười hai
.....	20 005
Bảy mươi ba nghìn bốn trăm mười

b) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$3\text{km } 15\text{m} = \dots\dots\dots\text{m}$

$\frac{1}{4}\text{ giờ} = \dots\dots\dots\text{phút}$

$4\text{ kg } 12\text{ g} = \dots\dots\dots\text{ g}$

$\frac{1}{2}\text{ ngày} = \dots\dots\dots\text{ giờ}$

Bài 2: (1 điểm)

a) Viết tiếp vào chỗ chấm:

Số liền trước và liền sau của số 82 599 là:..... ;

b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

- Các số viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 87546 ; 87654 ; 78546 ; 87546. B. 78456 ; 87546 ; 78564 ; 87654
C. 78456 ; 78546 ; 87546 ; 87654. D. 78546 ; 78456 ; 87654 ; 87546

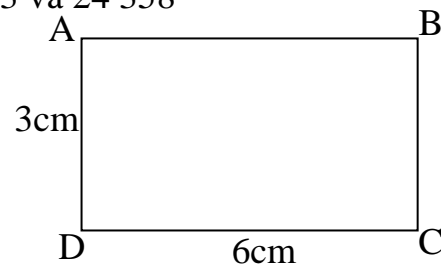
- Số lớn nhất và bé nhất trong các số : 24 538 ; 24 358; 24 835 ; 24 853 là :

- A. 24 538 và 24 358 B. 24 853 và 24 835
C. 24 835 và 24 358 D. 24 853 và 24 358

- Hình chữ nhật ABCD có kích thước như hình vẽ:

Chu vi và diện tích hình chữ nhật ABCD là:

- A. 9cm ; 18cm^2 B. 18cm ; 9cm^2
C. 18cm ; 18cm^2 D. 18cm^2 ; 18cm



Bài 3: (2 điểm)

$46\ 127 + 4356$

$64971 - 51938$

4126×3

$6704 : 8$

.....
.....
.....
.....

.....

Bài 4: (3 điểm)

a) Tính giá trị biểu thức

$$7 + 18 \times 5 = \dots\dots\dots(127 - 52) \times 4 = \dots\dots\dots$$
$$= \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$$

$$81 : 3 \times 2 = \dots\dots\dots 88 + 72 : 6 = \dots\dots\dots$$
$$= \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$$

b) Tìm x :

$$x \times 3 = 648$$

$$3816 + x = 4752$$

.....
.....

.....
.....

Bài 5: (1 điểm) 116 hộp bánh chia đều vào 4 thùng giấy. Hỏi cần phải có bao nhiêu hộp bánh để cho đầy vào 6 thùng giấy ? (Biết sức chứa của mỗi thùng là như nhau)

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: (1 điểm) Điền dấu phép tính + ; - ; \times hoặc : vào ô trống để được phép tính đúng

a) $5 \square 6 \square 3 = 10$

b) $54 \square 9 \square 2 = 4$

c) $27 \square 9 \square 3 = 15$

d) $27 \square 9 \square 3 = 6$

ĐỀ SỐ 3

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$81\ 918 - 45\ 245$

2645×8

$32\ 606 + 4856$

$67280 : 7$

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 2: (3 điểm) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

a) Số liền trước của số 16 500 là:

A. 16 501

B. 16 502

C. 16 499

D. 16 488

b) Tổng của các số : $50000 + 400 + 30 + 5$ viết thành số:

A. 5 435

B. 54 305

C. 54 035

D. 50 435

c) Số sáu mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi một viết là:

A. 69 721

B. 69 271

C. 69 731

D. 69 371

d) Dấu thích hợp để điền vào ô trống là: $67\ 628 \square 67\ 728$

A. <

B. >

C. =

D. không có dấu

e) Cạnh hình vuông là 10cm. Vậy diện tích hình vuông là:

A. 40cm^2

B. 80cm^2

C. 100cm

D. cả ba đều sai

g) Trong một năm những tháng có 31 ngày là:

A. 1; 3; 5; 7; 9; 11.

B. 1; 3; 5; 7; 8; 10; 12.

C. 2; 4; 6; 9; 11.

D. 2; 3; 5; 7; 8; 10; 12.

Bài 3: (2 điểm) a) Tính giá trị biểu thức

$476 + 1048 : 4 = \dots\dots\dots$

$126 \times 7 - 3165 : 5 = \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

b) Tìm x: $x - 636 = 5\ 618$

$1508 : x = 4$

.....

.....

.....

.....

Bài 4: (1 điểm) Điền dấu phép tính + ; - ; \times hoặc : vào ô trống để được phép tính đúng

a) $64 \square 8 \square 4 = 32$

b) $32 \square 4 \square 2 = 4$

c) $5 \square 3 \square 3 = 18$

d) $27 \square 9 \square 3 = 0$

Bài 5: (1 điểm) Nhân dịp Tết Trung Thu năm 2011 nhà trường mua 210 hộp bánh, mỗi hộp có 4 cái bánh. Số bánh đó được đem chia hết cho các bạn, mỗi bạn được hai cái bánh. Hỏi có bao nhiêu bạn được nhận bánh ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6: (1 điểm) Một khu đất hình chữ nhật có diện tích 342 m^2 , chiều rộng 9m . Tính chu vi khu đất đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 4

Bài 1: (1 điểm) Viết số vào chỗ chấm:

- Tám mươi bảy nghìn tám trăm mười hai:

- Hai mươi sáu nghìn ba trăm linh năm:

- Tám mươi chín nghìn một trăm ba mươi:

- Hai mươi nghìn một trăm linh hai:

Bài 2: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$54\ 275 + 22107$$

$$75\ 362 - 24\ 935$$

$$4805 \times 4$$

$$20645 : 5$$

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 3: (1 điểm) Tính giá trị biểu thức

a) $239 + 1267 \times 3 = \dots\dots\dots$
 $= \dots\dots\dots$

b) $2505 : (403 - 398) = \dots\dots\dots$
 $= \dots\dots\dots$

Bài 4: (1 điểm) Tìm x

a) $x \times 7 = 4123$

b) $x : 8 = 2560$

.....
.....

Bài 5: (1 điểm) Một hình chữ nhật ABCD có chiều dài 4dm, chiều rộng 9cm.

.....

a) Chu vi hình chữ nhật ABCD là:

b) Diện tích hình chữ nhật ABCD là:

Bài 6: (1 điểm) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

b) Trong cùng một năm, ngày 26 tháng 4 là ngày thứ tư thì ngày 1 tháng 5 là:

- A. Thứ hai B. Thứ ba C. Thứ tư D. Thứ năm

b) Cho phép trừ :

$$\begin{array}{r} \square 3\ 669 \\ - 23\ 154 \\ \hline 60\ 515 \end{array}$$

Chữ số thích hợp viết vào ô trống là:

- A. 6 B. 7 C. 8 D. 9

c) Số thích hợp điền vào chỗ chấm để $9\text{m } 4\text{cm} = \dots\dots\dots\text{cm}$

A.94

B.904

C. 940

D. 9004

d) Kết quả của phép chia $24\ 360 : 6$ là:

A.46

B.460

C. 406

D. 4060

Bài 7: (2 điểm) Một cửa hàng có 65 015 quyển vở. Người chủ cửa hàng đã bán cho 4 trường tiểu học, mỗi trường 14 042 quyển vở. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu quyển vở ?

Bài giải

.....

.....

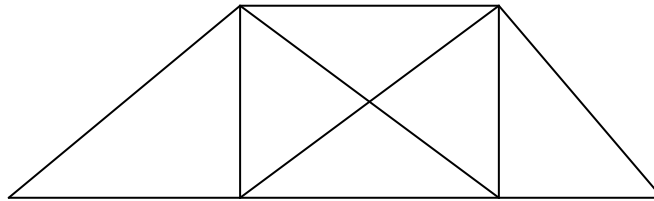
.....

.....

.....

Bài 8: (1 điểm) Trong hình dưới đây có :.....hình tam giác;

có :.....hình tứ giác.



ĐỀ SỐ 5

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$58\ 457 + 2\ 744$

$12\ 165 \times 5$

$95\ 300 - 31\ 407$

$84\ 848 : 8$

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 2: (1.5 điểm) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

c) $13\text{m } 5\text{cm} = \dots\dots\dots\text{cm}$

- A. 135 cm B. 1035cm C. 1350 cm D. 1305cm

b) $\frac{1}{4}$ của 340m là:

- A. 85 B. 1360m C. 85m D. 344m

c) Đoạn thẳng AB dài 42 cm. Trung điểm của đoạn thẳng AB là:

- A. 21cm B. 84cm C. 21dm D. 44cm

d) Thời gian từ 8 giờ kém 5 phút đến 8 giờ 15 phút là:

- A. 15 phút B. 20 phút C. 25 phút D. 30 phút

e) Chu vi hình vuông là 20cm. Vậy diện tích hình vuông là:

- A. 80cm^2 B. 25cm^2 C. 100cm^2 D. cả ba đều sai

g) Trong một năm nhuận ngày 28 tháng 2 là thứ bảy, ngày 2 tháng 3 là thứ mấy ?

- A. Thứ hai B. Thứ ba C. Thứ tư D. Thứ năm

Bài 3: (2 điểm) a) Tính giá trị biểu thức

$21\ 507 \times 3 - 18\ 799 = \dots\dots\dots (70\ 855 - 50\ 232) \times 3 = \dots\dots\dots$

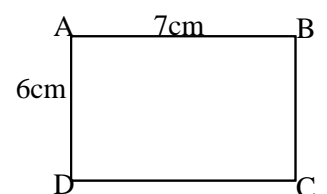
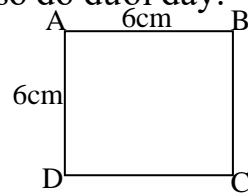
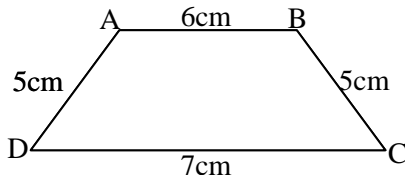
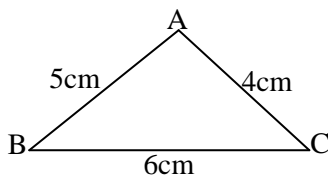
$= \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$

b) Tìm x : $x \times 6 = 5\ 628$

$64\ 508 - x = 26\ 429$

.....
.....

Bài 4: (1,5 điểm) a) Điền kết quả chu vi các hình có số đo dưới đây:



b) Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn:

65 371 ; 75 631 ; 55 731 ; 65 713 ; 65 317 ; 75 316.

.....

Bài 5: (1.5 điểm) Một cửa hàng có 3 336kg xi măng, cửa hàng đó đã bán $\frac{1}{3}$ số xi măng.

Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam xi măng ?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: (1,5 điểm) Một cửa hàng có 7 cuộn vải, mỗi cuộn dài 45m, cửa hàng đã bán $\frac{1}{3}$ số

vải đó. Hỏi cửa hàng bán bao nhiêu mét vải ?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 6

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$38759 + 36146$

12056×7

$92500 - 4151$

$6728 : 4$

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 2: (2 điểm) a) Điền số, dấu $>$; $<$; $=$ thích hợp vào chỗ chấm:

$7\text{m } 3\text{cm} = \dots\dots \text{cm}; \quad 6\text{m } 3\text{cm} \dots\dots 630\text{m}; \quad 4\text{m } 7\text{dm} \dots\dots 47\text{dm}; \quad 4\text{hm} = \dots\dots\text{m}$

$\text{b) } \frac{1}{4} \text{ của } 248\text{kg} \text{ là:} \dots\dots\dots ; \quad \frac{1}{6} \text{ của } 762\text{m} \text{ là:} \dots\dots\dots$

Bài 3: (2 điểm) a) Tính giá trị biểu thức

$476 + 1047 \times 6 = \dots\dots\dots 4508 - (2148 + 365) = \dots\dots\dots$
 $ = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$

$\text{b) Tìm } x: 1998 + x = 2007 \qquad x \times 6 = 4344$
.....
.....

Bài 4: (2 điểm) Một hình chữ nhật có chiều dài 53cm, chiều rộng 8cm.

a) Chu vi hình chữ nhật là:.....

b) Diện tích hình chữ nhật là:

Bài 5: (2 điểm) Một kho chứa 27 280kg thóc nếp và thóc tẻ, số thóc nếp bằng $\frac{1}{4}$ số thóc trong kho. Hỏi mỗi loại có bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....